

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 542/2019/HS-PT
Ngày: 18-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Cao

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 407/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo H P N, do có kháng cáo của bị cáo N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 135/2019/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4849/2019/QĐXXPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019. Quyết định hoãn phiên tòa số 9447/2019/HSPT-QĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019.

- Bị cáo có kháng cáo: H P N, sinh ngày 01/11/2001 tại tỉnh Quảng Bình; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Thôn Long Trung, xã N, thị xã M tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở hiện nay: 19/11A đường Nguyễn Thị Kiều, Khu phố 4A, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông H T N và bà L T T; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt giam ngày 18/4/2019. (Có mặt)

1. Người bị hại: Ông Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: 58/2D Lê Văn Khương, tổ 53B, Khu phố 5, phường HL, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà L T L, sinh năm: 1967

Nơi thường trú: Thôn Long Trung, xã L, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: 19/11A Nguyễn Thị Kiều, Khu phố 4A, phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông H T T, sinh năm 1963. Là cha của bị cáo (có mặt).

Nơi cư trú: 19/11A Nguyễn Thị Kiều, Khu phố 4A, phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đ T N - Luật sư Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 470 Nguyễn Tri Phương, Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/4/2019, H P N điều khiển xe mô tô biển số 73K1-146.82, lưu thông hướng đường từ đường Lê Văn Khương vào chùa Pháp Thạnh để tìm việc làm. Khi đi ngang qua địa chỉ 9/4D, tổ 50D, khu phố 5, phường L, Quận M, thì nhìn thấy ở hướng ngược chiều của N có ông N V T, đang ngồi trên xe mô tô biển số 55Y4-1496, dừng xe sát lề phải đường, hai tay đang cầm điện thoại sử dụng. Sau đó, Nam đi ngang qua ông T nhưng không tìm thấy nơi xin việc nên điều khiển xe quay vòng lại hướng đường Lê Văn Khương, đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến gần vị trí ông T, N vẫn thấy ông T đang sử dụng điện thoại. Lúc này, N điều khiển xe vượt lên từ phía sau bên trái ông T, áp sát vào xe mô tô của ông T, dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M20 mà ông T đang sử dụng, rồi cầm điện thoại trên tay và tăng ga bỏ chạy được khoảng 10 mét thì N tự té ngã, điện thoại cướp giật được văng xuống đường, ngay vị trí ngã. Ông T cùng người dân bắt giữ Nam cùng tang vật giao cho Công an phường H, Quận M, lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại cơ quan điều tra bị hại ông N V T trình bày sự việc trên ông không bị thương tích gì, điện thoại không bị hư hỏng gì và ông đã được nhận lại điện thoại nên không có yêu cầu gì. Ông T chỉ yêu cầu xử lý bị cáo H P N theo đúng quy định pháp luật, ông T có gửi đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Cáo trạng số 128/CTr – VKS, ngày 10/7/2019, của Viện kiểm sát nhân dân Quận M truy tố bị cáo H P N về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 135/2019/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

- Tuyên bố bị cáo H P N phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 12; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi; bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo H P N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc xử lý vật chứng, xử lý tài sản do phạm tội mà có; về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 8 năm 2019, Người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) kháng cáo xin tòa cấp phúc phẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H P N khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã khai nhận tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; Ông H T T – người kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo nhưng không có căn cứ pháp luật gì để trình Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung vụ án, về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H P N, đại diện Viện kiểm sát xác định Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo H P N phạm tội “Cướp giật tài sản” điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 12; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi; bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Về kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo: Đơn kháng cáo được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: xin cho bị cáo được hưởng án treo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt đối với bị cáo Nam là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, về tình tiết gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, có ông cố là liệt sĩ, bà cố là bà mẹ Việt Nam anh hùng đã được tòa cấp sơ thẩm xem xét giảm nhẹ khi lượng hình, mặt khác xét thấy bản thân bị cáo hiện nay đã bỏ học, sử dụng phương tiện nguy hiểm là xe gắn máy cướp giật tài sản người khác thể hiện tính táo bạo nguy hiểm gây mất trật tự xã hội, hoang mang cho người dân, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên y án sơ thẩm để đáp ứng tình hình xã hội hiện nay nhằm đảm bảo sự răn đe và phòng ngừa chung.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm đã truy tố và đề nghị xét xử đối với bị cáo, tuy nhiên cũng xin Hội đồng xét xử xem xét trường hợp gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, thiệt hại không xảy ra hoặc xảy ra không lớn, khi phạm tội bị cáo còn là người chưa thành niên để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bên không tham gia đối đáp.

Bị cáo H P N từ chối bào chữa bổ sung và tham gia tranh luận, đối đáp với đại diện Viện kiểm sát chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung: Xem xét nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tội danh:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/4/2019, H P N điều khiển xe mô tô biển số 73K1-146.82, lưu thông hướng đường từ đường Lê Văn Khương vào chùa Pháp Thanh để tìm việc làm. Khi đi ngang qua địa chỉ 9/4D, tổ 50D, khu phố 5, phường Hiệp Thành, Quận 12, thì nhìn thấy ở hướng ngược chiều của N có ông N V T, đang ngồi trên xe mô tô biển số 55Y4-1496, dừng xe sát lề phải đường, hai tay đang cầm điện thoại sử dụng. Sau đó, N đi ngang qua ông T nhưng không tìm thấy nơi xin việc nên điều khiển xe quay vòng lại hướng đường Lê Văn Khương, đến khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến gần vị trí ông T, N vẫn thấy ông T đang sử dụng điện thoại. Lúc này, N điều khiển xe vượt lên từ phía sau bên trái ông T, áp sát vào xe mô tô của ông T, dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M20 mà ông T đang sử dụng, rồi cầm điện thoại trên tay và tăng ga bỏ chạy được khoảng 10 mét thì N tự té ngã, điện thoại cướp giật được văng xuống đường, ngay vị trí ngã. Ông T cùng người dân bắt giữ N cùng tang vật giao cho Công an phường N, Quận M, lập biên bản phạm tội quả tang.

Hành vi của bị cáo H P N là nguy hiểm cho xã hội, vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an chung.

Bị cáo H P N phạm tội với động cơ, mục đích là chiếm đoạt tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài; Hành vi của bị cáo Nam đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp dùng phương tiện nguy hiểm, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Do đó, Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố bị cáo H P N phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 12; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội. Về các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo có trong hồ sơ vụ án đã được tòa cấp sơ thẩm xem xét đầy đủ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác hoặc có căn cứ gì để Hội đồng xem xét cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo)

[2] Về hình phạt:

Trong vụ án này, bị cáo H P N là người trực tiếp sử dụng phương tiện nguy hiểm là chiếc xe gắn máy nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo H P N là rất nghiêm trọng nên cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đề phòng ngừa chung cho xã hội.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H P N. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm h, s khoản 1,2, Điều 51 đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng đối với bị cáo. Người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy với tất cả các chứng cứ, tài liệu, lời khai của bị cáo, bị hại, hành vi phạm tội của bị cáo thì mức án 02 (hai) năm 06(sáu) tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Do đó, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa .

[3] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo H P N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 344, 345, 355 và 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp (cha của bị cáo) là ông H T T, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 135/2019/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Tuyên bố bị cáo H P N phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 12; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 90; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt H P N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2019

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo H P N phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và ông H T T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao; (1)
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (3)
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam PC81B; (2)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng PC53); (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Ủy ban nhân dân L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Người bị hại; (2)
- Lưu: VP, HS (TC 30)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Lê Thiên Hương

Hoàng Thị Bích Duyên